

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1179/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý
tham gia tố tụng thành công**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để thực hiện);
- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để thực hiện);
- Công TTĐT Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục TGPL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Mai Lương Khôi



Tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1179/QĐ-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quyết định này quy định các tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công trong lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính.

1.2. Đối tượng áp dụng:

- a) Cục Trợ giúp pháp lý – Bộ Tư pháp;
- b) Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- c) Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý;
- d) Người thực hiện trợ giúp pháp lý là trợ giúp viên pháp lý, luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm, luật sư của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý;
- đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Nguyên tắc chung xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công

2.1. Vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công phải là vụ việc trợ giúp pháp lý kết thúc.

2.2. Thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc mà quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý khác với quan điểm của một trong các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và được chấp nhận một phần hoặc toàn bộ theo hướng có lợi cho người được trợ giúp pháp lý trên cơ sở quy định pháp luật.

B. CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ XÁC ĐỊNH VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THAM GIA TỐ TỤNG THÀNH CÔNG

I. Tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công trong lĩnh vực hình sự

1. Tiêu chí 01 (TC 01): Khi thực hiện trợ giúp pháp lý cho người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố hoặc bào chữa cho người bị giữ trong trường

hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ mà quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chấp nhận theo hướng không khởi tố hoặc khởi tố về tội nhẹ hơn so với hành vi bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố.

2. Khi thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị can, bị cáo mà quan điểm bào chữa, kiến nghị của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chấp nhận thuộc một trong các trường hợp sau:

2.1. Tiêu chí 02 (TC 02): Được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự; hủy bỏ quyết định khởi tố bị can; rút toàn bộ hoặc một phần quyết định truy tố bị can; bị cáo được tuyên không có tội; được miễn trách nhiệm hình sự; loại trừ trách nhiệm hình sự; miễn hình phạt;

2.2. Tiêu chí 03 (TC 03): Được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đình chỉ điều tra vụ án; đình chỉ điều tra đối với bị can; đình chỉ vụ án; đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo; đình chỉ xét xử phúc thẩm mà có lợi cho người được trợ giúp pháp lý;

2.3. Tiêu chí 04 (TC 04): Được chuyển tội danh, được hưởng án treo hoặc chuyển khung hình phạt theo hướng nhẹ hơn so với tội danh, khung hình phạt bị khởi tố, truy tố, xét xử; chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn so với tội danh, khung hình phạt bị khởi tố, truy tố, xét xử;

2.4. Tiêu chí 05 (TC 05): Được giữ nguyên hình phạt đối với những bản án bị kháng cáo hoặc kháng nghị theo hướng không có lợi cho người bị kết án là người được trợ giúp pháp lý;

2.5. Tiêu chí 06 (TC 06): Được tuyên mức án thấp nhất hoặc thấp hơn theo mức đề nghị của Viện kiểm sát trong cùng khung hình phạt, cùng tội danh;

2.6. Tiêu chí 07 (TC 07): Được giảm hoặc không áp dụng hình phạt bổ sung, không áp dụng biện pháp tư pháp so với đề nghị của Viện kiểm sát hoặc bản án sơ thẩm;

2.7. Tiêu chí 08 (TC 08): Không phải bồi thường thiệt hại; được giảm mức bồi thường thiệt hại so với đề nghị của Viện kiểm sát hoặc bản án sơ thẩm; được giảm mức bồi thường thiệt hại so với yêu cầu của bị hại/đương sự và người bị buộc tội hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát về mức bồi thường thiệt hại; giúp người bị buộc tội thỏa thuận thành công về mức bồi thường thiệt hại với bị hại/đương sự được thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án hoặc tại phiên tòa.

3. Khi thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị hại mà quan điểm bảo vệ của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chấp nhận thuộc một trong các trường hợp sau:

3.1. Tiêu chí 09 (TC 09): Người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ mà quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận theo hướng khởi tố vụ án;

3.2. Tiêu chí 10 (TC 10): Người bị buộc tội không được miễn trách nhiệm hình sự, không được miễn hình phạt, không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự so với đề nghị của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, bản án sơ thẩm;

3.3. Tiêu chí 11 (TC 11): Khi kháng cáo mà Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vì người bị buộc tội được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội; khi kháng cáo mà Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vì có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội;

3.4. Tiêu chí 12 (TC 12): Người bị buộc tội bị chuyển tội danh hoặc chuyển khung hình phạt theo hướng nặng hơn so với tội danh, khung hình phạt bị khởi tố, truy tố, xét xử; người bị buộc tội bị chuyển từ hình phạt khác không phải hình phạt tù sang hình phạt tù, chuyển từ hình phạt tù cho hưởng án treo sang hình phạt tù so với đề nghị của Viện kiểm sát hoặc bản án sơ thẩm;

3.5. Tiêu chí 13 (TC 13): Người bị buộc tội bị áp dụng hình phạt bổ sung; áp dụng biện pháp tư pháp so với đề nghị của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, bản án sơ thẩm;

3.6. Tiêu chí 14 (TC 14): Người bị buộc tội bị tuyên mức án cao nhất hoặc cao hơn theo mức đề nghị của Viện kiểm sát;

3.7. Tiêu chí 15 (TC 15): Được chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại; được chấp nhận mức bồi thường thiệt hại cao hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát hoặc bản án sơ thẩm; được chấp nhận một phần yêu cầu mức bồi thường thiệt hại của bị hại và bị hại hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát về mức bồi thường thiệt hại; giúp bị hại thỏa thuận thành công về mức bồi thường thiệt hại với người bị buộc tội được thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án hoặc tại phiên tòa.

4. Tiêu chí 16 (TC 16): Thực hiện trợ giúp pháp lý cho nguyên đơn dân sự mà quan điểm bảo vệ của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có

thẩm quyền tiến hành tố tụng chấp nhận theo một trong các hướng sau đây: được chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại; được chấp nhận mức bồi thường cao hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát; chỉ chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại và nguyên đơn hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát về mức bồi thường thiệt hại; giúp nguyên đơn thỏa thuận thành công về mức bồi thường thiệt hại với bị đơn được thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án hoặc tại phiên tòa.

5. Tiêu chí 17 (TC 17): Thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị đơn dân sự mà quan điểm bảo vệ của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chấp nhận theo một trong các hướng sau đây: không phải bồi thường thiệt hại; được giảm mức bồi thường thiệt hại so với đề nghị của Viện kiểm sát; được giảm mức bồi thường thiệt hại so với yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát về mức bồi thường thiệt hại; giúp bị đơn thỏa thuận thành công về mức bồi thường thiệt hại với nguyên đơn được thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án hoặc tại phiên tòa.

6. Tiêu chí 18 (TC 18): Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án mà quan điểm bảo vệ của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chấp nhận theo hướng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ mà được Tòa án giải quyết kháng cáo theo hướng có lợi cho họ so với bản án sơ thẩm.

7. Tiêu chí 19 (TC 19): Giúp người được trợ giúp pháp lý kiến nghị hoặc kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án có hiệu lực pháp luật theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm và được chấp nhận bằng quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng có lợi cho người được trợ giúp pháp lý.

II. Tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công trong lĩnh vực dân sự

Vụ việc mà quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người thực hiện trợ giúp pháp lý được Tòa án chấp nhận theo hướng có lợi cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc dân sự, cụ thể như sau:

1. Tiêu chí 20 (TC 20): Giúp người được trợ giúp pháp lý bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp khi hòa giải trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm hoặc tại phiên tòa sơ thẩm và được Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các

đương sự; giúp người được trợ giúp pháp lý thỏa thuận được với các đương sự khác về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm và được Tòa án ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

2. Tiêu chí 21 (TC 21): Vụ việc được Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo đề nghị của người thực hiện trợ giúp pháp lý mà có lợi cho người được trợ giúp pháp lý.

3. Tiêu chí 22 (TC 22): Thực hiện trợ giúp pháp lý cho nguyên đơn hoặc người có quyền và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn mà quan điểm bảo vệ của người thực hiện trợ giúp pháp lý được Tòa án chấp nhận theo một trong các hướng sau đây: được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện; được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhiều hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát; được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và nguyên đơn hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

4. Tiêu chí 23 (TC 23): Thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị đơn hoặc người có quyền và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn mà quan điểm bảo vệ của người thực hiện trợ giúp pháp lý được Tòa án chấp nhận theo một trong các hướng sau đây: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện; bác yêu cầu khởi kiện nhiều hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát; bác một phần yêu cầu khởi kiện và bị đơn hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát; giúp bị đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố hoặc một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

5. Tiêu chí 24 (TC 24): Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người yêu cầu việc dân sự mà được Tòa án ra quyết định chấp nhận yêu cầu đó.

6. Tiêu chí 25 (TC 25): Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý được Tòa án chấp nhận theo một trong các hướng sau đây: được chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập; được chấp nhận yêu cầu độc lập nhiều hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát; được chấp nhận một phần yêu cầu độc lập và người được trợ giúp pháp lý hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

7. Tiêu chí 26 (TC 26): Giúp người được trợ giúp pháp lý kiến nghị hoặc kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án có hiệu lực pháp luật theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm và được chấp nhận bằng quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng có lợi cho người được trợ giúp pháp lý.

III. Tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công trong lĩnh vực hành chính

Vụ việc mà quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người thực hiện trợ giúp pháp lý được Tòa án chấp nhận theo hướng có lợi cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ án hành chính, cụ thể như sau:

1. Tiêu chí 27 (TC 27): Giúp người được trợ giúp pháp lý được bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp khi đối thoại và Tòa án ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án hoặc quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ việc giải quyết vụ án.

2. Tiêu chí 28 (TC 28): Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người khởi kiện hoặc người có quyền và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên khởi kiện mà được Tòa án chấp nhận theo một trong các hướng sau đây: được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện; được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhiều hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát; được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và người được trợ giúp pháp lý hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

3. Tiêu chí 29 (TC 29): Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan, quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý được Tòa án chấp nhận theo một trong các hướng sau đây: được chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập; được chấp nhận yêu cầu độc lập nhiều hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát; được chấp nhận một phần yêu cầu độc lập và người được trợ giúp pháp lý hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

4. Tiêu chí 30 (TC 30): Giúp người được trợ giúp pháp lý kiến nghị hoặc kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án có hiệu lực pháp luật theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm và được chấp nhận bằng quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng có lợi cho người được trợ giúp pháp lý.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Trợ giúp pháp lý có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi địa phương; tổng hợp và gửi báo cáo vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý về Cục Trợ giúp pháp lý theo biểu mẫu số 01 kèm theo Quyết định này. Báo cáo được thực hiện định kỳ 06 tháng

và 01 năm; thời hạn nhận báo cáo cùng với thời hạn nhận báo cáo 06 tháng và báo cáo năm lần 01 tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp (kỳ báo cáo và thời hạn nhận báo cáo định kỳ được quy định cụ thể tại góc trên cùng, bên trái của biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

3. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thực hiện báo cáo vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công gửi về Cục Trợ giúp pháp lý và Sở Tư pháp theo biểu mẫu số 03 kèm theo Quyết định này. Các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện báo cáo vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công gửi về Sở Tư pháp theo biểu mẫu số 02 kèm theo Quyết định này. Báo cáo gửi Cục Trợ giúp pháp lý, Sở Tư pháp được thực hiện định kỳ 06 tháng và 01 năm; thời hạn nhận báo cáo cùng với thời hạn nhận báo cáo 06 tháng và báo cáo năm lần 01 tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp (kỳ báo cáo và thời hạn nhận báo cáo định kỳ được quy định cụ thể tại góc trên cùng, bên trái của biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

4. Các tổ chức, cá nhân thực hiện cập nhật các vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công lên Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý theo hướng dẫn của Cục Trợ giúp pháp lý. /.

**BÁO CÁO VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
THAM GIA TỔ TỤNG THÀNH CÔNG**
(6 tháng, năm)

Đơn vị báo cáo:
- Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL/Tổ chức đăng ký tham gia TGPL
Đơn vị nhận báo cáo:
- Sở Tư pháp

hiệu số: 02
an hành theo Quyết định số.....ngày.....
gày nhận báo cáo (BC):
ở Tư pháp nhận:
C 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm
: C năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm
ỳ báo cáo:
ỳ BC 6 tháng: Từ 01/11 năm trước đến 30/4 năm sau
ỳ BC năm: Từ 01/11 năm trước đến 31/10 năm sau

Kỳ báo cáo:
(Từ ngày/tháng/năm
đến ngày/tháng/năm)

STT	Người thực hiện TGPL	Vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công																																			
		Tổng số vụ việc tham gia tố tụng	Lĩnh vực hình sự												Lĩnh vực dân sự												Lĩnh vực hành chính										
			TS vụ việc thành công	TC 01	TC 02	TC 03	TC 04	TC 05	TC 06	TC 07	TC 08	TC 09	TC 10	TC 11	TC 12	TC 13	TC 14	TC 15	TC 16	TC 17	TC 18	TC 19	TC 20	TC 21	TC 22	TC 23	TC 24	TC 25	TC 26	TC 27	TC 28	TC 29	TC 30	TS vụ việc TGT hình sự thành công	TS vụ việc TGT dân sự thành công	TS vụ việc TGT hành chính thành công	
-	Luật sư tại Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL/Luật sư tại Tổ chức đăng ký tham gia TGPL	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (1): Tổng số vụ việc tham gia tố tụng kết thúc trong kỳ báo cáo.
- Cột (2): Tổng số vụ việc tham gia tố tụng thành công: (2) = (3)+(23)+(31).
- Cột (3): Tổng số vụ việc tham gia tố tụng thành công trong lĩnh vực hình sự.
- Cột (23): Tổng số vụ việc tham gia tố tụng thành công trong lĩnh vực dân sự.
- Cột (31): Tổng số vụ việc tham gia tố tụng thành công trong lĩnh vực hành chính.
- Lưu ý:**
- Mọi vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công có thể đáp ứng nhiều tiêu chí; vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công đáp ứng bao nhiêu tiêu chí thì báo cáo bấy nhiêu tiêu chí vào từng ô tương ứng với số tiêu chí đạt được (từ cột (4) đến cột (22), từ cột (24) đến cột (30), từ cột (32) đến cột (35)).

Biểu số: 03

3an hành theo Quyết định số..... ngày.....
Ngày nhận báo cáo (BC):
Cục Trợ giúp pháp lý và Sở Tư pháp nhận:
3C 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm
3C năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

Kỳ báo cáo:

Ỗ BC 6 tháng: Từ 01/11 năm trước đến 30/4 năm sau
Ỗ BC năm: Từ 01/11 năm trước đến 31/10 năm sau

Đơn vị báo cáo:

- Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh/ thành phố
Đơn vị nhận báo cáo:
- Cục Trợ giúp pháp lý
- Sở Tư pháp

**BÁO CÁO VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
THAM GIA TỔ TỤNG THÀNH CÔNG
(6 tháng, năm)**

Kỳ báo cáo:

(Từ ngày/tháng/năm
đến ngày/tháng/năm)

STT	Phân theo người thực hiện TGPL	Vụ việc TGPL tham gia tổ tụng thành công																																				
		Lĩnh vực hình sự										Lĩnh vực dân sự										Lĩnh vực hành chính																
		TS vụ việc thành công			TS vụ việc TGBT hình sự			TS vụ việc TGBT dân sự			TS vụ việc TGBT hành chính			TS vụ việc TGBT hành chính			TS vụ việc TGBT hành chính			TS vụ việc TGBT hành chính			TS vụ việc TGBT hành chính			TS vụ việc TGBT hành chính			TS vụ việc TGBT hành chính			TS vụ việc TGBT hành chính			TS vụ việc TGBT hành chính			TS vụ việc TGBT hành chính
1	Trợ giúp viên pháp lý	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)		
2	Luật sư ký hợp đồng thực hiện TGPL																																					
	Tổng cộng																																					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Cột (1): Tổng số vụ việc tham gia tổ tụng kết thúc trong kỳ báo cáo.

Cột (2): Tổng số vụ việc tham gia tổ tụng thành công: (2) = (3)+(23)+(31).

Cột (3): Tổng số vụ việc tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực hình sự.

Cột (23): Tổng số vụ việc tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực dân sự.

Cột (31): Tổng số vụ việc tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực hành chính.

Lưu ý:

- Một vụ việc TGPL tham gia tổ tụng thành công có thể đáp ứng nhiều tiêu chí; vụ việc TGPL tham gia tổ tụng thành công đáp ứng bao nhiêu tiêu chí thì báo cáo bấy nhiêu tiêu chí vào từng ô tương ứng với số tiêu chí đạt được (từ cột (4) đến cột (22), từ cột (24) đến cột (30), từ cột (32) đến cột (35)).

